

Số: **37** /KH-UBND

*Hoà Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2018*

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020**

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành động Trung ương Đảng (Khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành động Trung ương Đảng về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

Thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 30/5/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế - phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020 như sau:

### **I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU:**

#### **1. Mục tiêu**

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế theo hướng kết hợp hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu. Ưu tiên phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp, dịch vụ, du lịch có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đầu tư phát triển vùng kinh tế động lực. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ;

thu hút đầu tư có chất lượng, có trọng điểm, xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

## **2. Chỉ tiêu**

### **\* Giai đoạn 2016-2020:**

2.1. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 8,5 - 9%/năm; trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 10,1%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,5%/năm; dịch vụ tăng 8,9%/năm.

2.2. Thu hút trên 76.250 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển (bằng khoảng 35% GRDP), bình quân hàng năm tăng 11,2%, trong đó: Ngân sách Nhà nước chiếm 20%, vốn FDI chiếm 14%, vốn đầu tư của các dự án trong nước chiếm 33%, vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp và tầng lớp dân cư chiếm 33%.

2.3. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 3%/ năm.

### **\* Đến năm 2020:**

2.4. GRDP bình quân đầu người đạt 3.000 - 3.200 USD (tương đương 60 - 65 triệu đồng).

2.5. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 57,8%; dịch vụ chiếm 26,4%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,8%.

2.6. Tăng tỷ trọng giá trị gia tăng trong giá trị sản xuất: Đối với công nghiệp đạt tỷ lệ 57%, dịch vụ đạt 70% và nông nghiệp đạt 61%.

2.7. Năng suất lao động xã hội bình quân đạt 82 triệu đồng, trong đó, lĩnh vực nông nghiệp 28 triệu đồng, công nghiệp - xây dựng 168 triệu đồng; dịch vụ đạt 194 triệu đồng.

2.8. Nâng cao sức cạnh tranh của tỉnh thông qua tập trung cải thiện chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, phấn đấu nằm trong top 40 của cả nước.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

### **1. Về đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế**

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu: Điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế từ chủ yếu theo số lượng sang chất lượng dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát triển các yếu tố tạo nền tảng cho tăng năng suất nhanh, bền vững thông qua nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ công nghệ, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và tăng cường cải cách hành chính.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

1.2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ tham mưu và tập trung phát triển các ngành, sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, từng bước giảm tỷ trọng các ngành gia công, sơ chế và khai thác tài nguyên.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, các sản phẩm có giá trị kinh tế cao kết hợp với du lịch sinh thái và phát triển nghề truyền thống; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp, tập trung ưu tiên phát triển công tác nghiên cứu, tạo ra những giống vật nuôi, cây trồng cho năng suất và hiệu quả cao; khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản.

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ, giá trị gia tăng cao, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, giảm tỷ trọng các ngành gia công, chế biến sử dụng đầu vào nhập khẩu, sử dụng nhiều năng lượng, tài nguyên.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tạo thu nhập và việc làm cho người lao động; đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông; tập trung đầu tư phát triển đưa du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

## **2. Tái cơ cấu kinh tế, ngành, lĩnh vực:**

### **2.1. Tái cơ cấu kinh tế:**

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố: Tập trung đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016; Chương trình hành động của Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 05- NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành động Trung ương Đảng Khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh (Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ); Kế hoạch số 92-KH/TU ngày ngày 30/5/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế - phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020; Đề án đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế phần đầu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước vào năm 2020 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 08/12/2017.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

### **2.2. Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.**

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

(1). Rà soát, điều chỉnh Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng gắn với xây dựng nông thôn mới; đề xuất đưa một số sản phẩm chủ lực của tỉnh vào Chương trình xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “mỗi xã một sản phẩm”.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(2). Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy liên kết sản xuất chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(3). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nông nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Mở rộng ứng dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP), đặc biệt quan tâm duy trì chất lượng của các sản phẩm nông nghiệp đã được chứng nhận nhãn hiệu tập thể.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(4). Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách phát triển kinh tế tập thể, hình thức sản xuất trang trại; hỗ trợ nuôi cá lồng, phát triển làng nghề, chăn nuôi, cải tạo vườn tạp, phát triển cây cam, cây bưởi đỏ, phát triển rau an toàn. Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, vùng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, sản xuất giống chất lượng cao.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(5). Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt quan tâm các xã sẽ đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Thường xuyên kiểm tra, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí của những xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(6). Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, lũ lụt, cứu hộ, cứu nạn; phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và dịch hại trên cây trồng, vật nuôi với những kịch bản khác nhau.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(7). Tăng cường quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; khuyến khích nhân dân tham gia trồng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hợp lý và hiệu quả.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

b) Sở Khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

(1). Triển khai các chương trình, kế hoạch nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ và năng suất cao, thân thiện với môi trường; liên kết với các viện nghiên cứu để nhanh chóng ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu phát triển các khu trồng trọt, chăn nuôi công nghệ cao.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo sản phẩm có sức cạnh tranh

cao. Khuyến khích áp dụng khoa học - công nghệ mới, công nghệ sinh học trong việc lai tạo giống, ... đem lại hiệu quả các chính sách về nông nghiệp.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

### **2.3. Tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp.**

a) Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Triển khai các giải pháp đưa công nghiệp trở thành khâu đột phá để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/12/2015 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp; xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút và hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Khuyến công.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(3). Xây dựng danh mục các sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu, làm cơ sở cho các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(4). Tăng cường tiếp xúc và kịp thời có những giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là khó khăn về vốn, mặt bằng và đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu để tăng năng lực sản xuất của ngành công nghiệp.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(5). Từng bước hiện đại hóa lưới điện, đảm bảo cung ứng điện có chất lượng phục vụ nhu cầu thiết yếu sản xuất và đời sống của người dân.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các Khu công nghiệp, tập trung huy động vốn để xây dựng hạ tầng các Khu công nghiệp tạo đất sạch phục vụ thu hút đầu tư. Tăng cường công tác quản bá về khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(2). Rà soát các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh không đủ năng lực, thu hồi một phần hoặc toàn bộ dự án giao chủ đầu tư mới có đủ năng lực để thực hiện.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

c) Sở Khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất kinh doanh công nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

#### **2.4 Tái cơ cấu lĩnh vực thương mại - dịch vụ:**

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 28/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thương mại giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Tăng cường liên kết thương mại, dịch vụ với các tỉnh, thành phố, đảm bảo tính liên kết của hệ thống phân phối với nhiều kênh phân phối, nhiều phương thức kinh doanh, nhiều thành phần tham gia, tạo điều kiện cho hoạt động lưu thông hàng hoá được mở rộng và gắn kết với các tỉnh, thành trong vùng, trong cả nước với thị trường khu vực và thế giới.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Huy động vốn đầu tư hiện đại hóa kết cấu hạ tầng thương mại; xây dựng các chợ đầu mối nông sản, chợ bán buôn, thúc đẩy phát triển thương mại của tỉnh theo hướng nâng dần vai trò trung tâm thương mại.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(4). Tiếp tục triển khai sâu rộng cuộc vận động “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tăng cường mở rộng mạng lưới phân phối và độ phủ của hàng hóa Việt Nam.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(5). Tăng cường quản lý thị trường, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi gian lận thương mại. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp bình ổn thị trường, cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu:

(1). Tập trung ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch theo tinh thần Nghị quyết số 10 -NQ/TU ngày 30/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Khuyến khích, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, điểm du lịch quốc gia Mai Châu và các điểm du lịch Lạc Thủy, Kim Bôi, các dự án du lịch có quy mô lớn, khu vui chơi giải trí tổng hợp, trung tâm hội nghị, các cơ sở lưu trú cao cấp và các dịch vụ khác đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch và các sự kiện lớn tại tỉnh Hòa Bình.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở các tuyến điểm du lịch mới, các tour du lịch liên vùng, du lịch quốc tế và phát triển du lịch đường thủy trên Sông Đà.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, xúc tiến và quảng bá du lịch tại các thị trường trọng điểm. Thông qua website của tỉnh và của các doanh nghiệp, các trang mạng xã hội lớn (Google, Facebook, Twitter...) và các kênh truyền hình chuyên về du lịch để quảng bá du lịch tỉnh Hòa Bình.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

d) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistic làm nền tảng cho phát triển công nghiệp sản xuất và chế biến xuất khẩu.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

### **3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển**

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu:

Xây dựng Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2025 trên cơ sở rà soát, đánh giá thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011 - 2020 theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, tạo chuyển biến nhanh và rõ nét trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; nâng cao năng lực, trình độ quản trị doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu:

(1). Rà soát, sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động của địa phương.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(2). Tiếp tục thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Hòa Bình; Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 1956/QĐ-TTg; dự án đổi mới dạy nghề được Bộ lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định 826/QĐ-BLĐTBXH. Xây dựng và triển khai đề án đào tạo nhân lực, đặc biệt đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề, đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu:

Nhiệm vụ 1: Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Nâng cao chất lượng dạy và học, đặc biệt là dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, nghiên cứu góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Tập trung bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Bồi dưỡng về năng lực sư phạm cho giáo viên theo phương pháp dạy học tích cực, tích hợp, tự chọn, phân hóa và liên môn; bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục năng lực quản lý; nâng cao năng lực cho giảng viên trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình về đổi mới giáo dục và đào tạo theo yêu cầu của chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(4). Chỉ đạo sắp xếp lại các trường, lớp sao cho phù hợp với đối tượng, từng vùng và địa phương. Quan tâm đầu tư hơn nữa cho giáo dục vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Tiếp tục chuyển đổi một số trường phổ



thông ở vùng đặc biệt khó khăn đủ điều kiện thành trường phổ thông dân tộc bán trú. Quan tâm công tác tuyển sinh cấp THPT đối với các trường Phổ thông dân tộc nội trú. Xây dựng cơ chế chính sách phân luồng giáo dục, gắn đào tạo nghề và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND huyện, thành phố tham mưu:

Nghiên cứu rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong hệ thống chính trị và các ngành, lĩnh vực mũi nhọn. Thực hiện thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

#### **4. Phát triển khoa học và công nghệ**

Sở Khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 31/01/2013 của Tỉnh ủy; đề án phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn 2030, trong đó coi doanh nghiệp là trọng tâm ứng dụng các kết quả nghiên cứu, hỗ trợ đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, cải tiến sản xuất và tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017 - 2020, trong đó tạo lập môi trường thuận lợi, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học - công nghệ; Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(3). Tăng cường cơ chế hợp tác công tư để khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới công nghệ; nâng cao năng lực quản trị sản xuất - kinh doanh, nâng tỷ trọng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(4). Tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng thành tựu về khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

## **5. Phát triển kết cấu hạ tầng**

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

(1). Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 17/12/2012 của Tỉnh ủy; Đề án phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2030 đã được Tỉnh ủy thông qua và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 29/12/2016.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Đề xuất các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn để đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm, ưu tiên đầu tư phát triển vùng động lực. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bằng các hình thức phù hợp, giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020, theo hướng trọng tâm, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên đầu tư các dự án quan trọng của tỉnh, các dự án đáp ứng nhu cầu bức thiết của nhân dân; hoãn, giãn tiến độ thực hiện một số công trình, dự án chưa thực sự cấp bách phù hợp với nguồn lực đầu tư của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 19/7/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tạo nguồn thu và tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đến năm

2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 16/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu:

(1). Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đề xuất các giải pháp cụ thể để thực hiện chỉ tiêu về đô thị hóa, trong đó, năm 2020 phấn đấu đạt 25%.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Rà soát, điều chỉnh và lập các đồ án quy hoạch quan trọng, có tác động lớn đến dự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

d) Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

(1). Tăng cường phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành Trung ương, hợp tác với các tỉnh, thành trong vùng để kêu gọi, hợp tác đầu tư xây dựng các tuyến giao thông đường bộ, đường thủy kết nối liên vùng, như: đường Hòa Lạc - thành phố Hòa Bình, Quốc lộ 15, Quốc lộ 70B, tuyến cao tốc thành phố Hòa Bình - Mộc Châu (Sơn La) và các tuyến đường tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất đầu tư phát triển cảng cạn ở huyện Lạc Thủy và cảng cạn ở thành phố Hòa Bình để kết nối với các tỉnh trong khu vực bằng đường thủy.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Triển khai thực hiện Đề án cứng hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông để phát huy hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển hạ tầng và không gian nông thôn.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

g) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Phát triển kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đang hoạt động và đề đẩy mạnh thu hút đầu tư. Mở rộng các hình thức huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

## **6. Thu hút đầu tư và phát triển kinh tế tư nhân**

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

(1). Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 08/11/2017 của Tỉnh ủy Hòa Bình về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII; Nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, cá thể trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng phát triển trong một số ngành lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Năm 2018.

(2). Tăng cường hỗ trợ quản trị doanh nghiệp, kinh tế tập thể, cá thể, cập nhật thông tin thị trường, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ để nâng cao khả năng cạnh tranh và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Tổ chức đối thoại công khai định kỳ ít nhất hai lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Thanh tra tỉnh chủ trì, điều phối:

Thực hiện thanh tra, kiểm tra đúng theo quy định pháp luật (không quá một lần/năm) đối với doanh nghiệp; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

(1). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm cơ bản gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đổi mới lề lối, phương thức và thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng hỗ trợ và phục vụ doanh nghiệp; công khai, minh bạch, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm hành vi tiêu cực trong thực thi công vụ.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Tiếp tục triển khai quyết liệt có hiệu quả Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Phấn đấu đến năm 2020 toàn tỉnh có số doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả tăng gấp 2 lần so với năm 2015.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Rà soát các quy hoạch ngành, lĩnh vực để điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ cho phù hợp với thị trường và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy định về đất đai, xây dựng, môi trường, đăng ký kinh doanh, đầu tư và các thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(4). Tăng cường đối thoại chính sách với cộng đồng doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư. Rà soát, công bố công khai nội dung, nhiệm vụ cần thu hút đầu tư để có chính sách khuyến khích cụ thể.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

## **7. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước**

a) Sở Nội vụ chủ trì:

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã phê duyệt.

Thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và cải cách tiền lương. Rà soát lại toàn bộ công tác cán bộ, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch tất cả các khâu trong quy trình bổ nhiệm để chọn được người tài.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

b) Sở Tư pháp chủ trì:

(1). Triển khai thực hiện tốt Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, nhất là những quy định mới của Luật này.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(2). Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, góp phần đảm bảo ổn định, đồng bộ, minh bạch, khả thi của pháp luật. Tập trung kiểm tra, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

(3). Theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành quy định chi tiết, đảm bảo chấm dứt tình trạng chậm ban hành văn bản.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

c) Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng nhiệm vụ phải tăng cường năng lực giám sát, kiểm tra, thanh tra theo mức độ rủi ro và tuân thủ pháp luật đối với đối tượng quản lý.

Thời gian thực hiện: Hàng năm.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương xây dựng Kế hoạch cụ thể, sát thực với tình hình thực tế của từng ngành, từng địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao nêu trên; đồng thời xem xét, bổ sung phù hợp các mục tiêu, chương trình, kế hoạch của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố vào triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; tổng hợp kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại và đề xuất kiến nghị biện pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng và cả năm gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

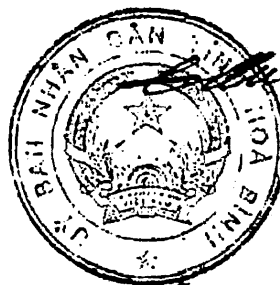
2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động phối hợp với Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của địa phương mình, những vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo xử lý.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện tốt Kế hoạch này./✓

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (M.80<sup>b</sup>).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang